CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	---------o0o---------
Số: 31./2024/CBTT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024*
V/v: Báo cáo tài chính Quý I/2024	

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tổ chức công bố thông tin

Tên Công ty: **Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29/12/2006;

Trụ sở chính: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 37836089 Fax: 024 37836079

Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Trịnh Quốc Bình – Tổng Giám đốc**

II. Thông tin công bố

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý I năm 2024;
- Văn bản giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors tại đường dẫn: http://fund.leadvisors.com/vi/bao-cao/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu KTTH;

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 84 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS * Q. BẮC TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Trịnh Quốc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS 2024-04-12 15:39:57

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2024

Gồm các báo cáo:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà Nội, ngày 12. tháng 4.. năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu kỳ (01/01/2024)
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**36.934.503.743**	**36.895.049.971**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**844.621.369**	**543.440.191**
1. Tiền	111		844.621.369	543.440.191
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**34.997.371.097**	**35.517.073.897**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44.913.146.039	46.313.146.039
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		(9.915.774.942)	(10.796.072.142)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.090.848.877**	**832.250.083**
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		74.456.250	74.456.250
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.03	617.061.607	546.236.954
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	1.230.904.449	1.043.130.308
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(831.573.429)	(831.573.429)
IV. Hàng tồn kho	**140**			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.662.400**	**2.285.800**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.662.400	2.285.800
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	**200**		**512.096.729**	**538.173.770**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211			
2 Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**14.839.998**	**17.622.498**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	14.839.998	17.622.498
- Nguyên giá	222		100.989.998	100.989.998
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(86.150.000)	(83.367.500)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.06	**457.816.137**	**457.816.137**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.511.644.800	2.511.644.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(2.053.828.663)	(2.053.828.663)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**39.440.594**	**62.735.135**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		39.440.594	62.735.135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**37.446.600.472**	**37.433.223.741**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu kỳ (01/01/2024)
1	2	3	4	4
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**721.878.218**	**1.426.647.873**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**721.878.218**	**1.426.647.873**
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312		556.538.726	511.391.902
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	99.258.022	20.781.008
5. Phải trả người lao động	315		-	778.453.103
6. Chi phí phải trả	316		-	48.440.390
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.08	26.144.509	26.144.509
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		39.936.961	41.436.961
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn.	328			
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**36.724.722.254**	**36.006.575.868**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		297.571.576	297.571.576
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		595.143.152	595.143.152
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		832.007.526	113.861.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước			*113.861.140*	*(593.762.024)*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay			*718.146.386*	*707.623.164*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**37.446.600.472**	**37.433.223.741**
			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu kỳ (01/01/2024)
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	33.783.360.000	33.783.360.000
Trong đó			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	33.713.560.000	33.713.560.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008	69.800.000	69.800.000
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020	2.242.540.000	2.242.540.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	1.434.035.865.726	1.409.976.372.698
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	*1.434.035.865.726*	*1.409.976.372.698*
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	431.332.028.716	431.332.028.716
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	*041*	*431.332.028.716*	*431.332.028.716*
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	*042*		
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	426.770.171	213.460.280

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Nguyệt Minh	Nguyễn Nguyệt Minh	Trịnh Quốc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
S.G.P: 84 - C.T.C.P - Q. BẮC TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B02-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý hiện tại	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	**01**	**VI.11**	**451.623.458**	**445.340.560**	**451.623.458**	**445.340.560**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**451.623.458**	**445.340.560**	**451.623.458**	**445.340.560**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.12	535.828.040	970.074.790	535.828.040	970.074.790
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**(84.204.582)**	**(524.734.230)**	**(84.204.582)**	**(524.734.230)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	357.822.193	496.411.347	357.822.193	496.411.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.14	(880.297.200)	(1.765.463.503)	(880.297.200)	(1.765.463.503)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.15	435.752.225	645.984.696	435.752.225	645.984.696
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	**30**		**718.162.586**	**1.091.155.924**	**718.162.586**	**1.091.155.924**
10. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
11. Chi phí khác	32		16.200	-	16.200	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(16.200)**	-	**(16.200)**	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**718.146.386**	**1.091.155.924**	**718.146.386**	**1.091.155.924**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**718.146.386**	**1.091.155.924**	**718.146.386**	**1.091.155.924**
17. Lãi trên cổ phiếu	70		205	312	205	312

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Nguyệt Minh	Nguyễn Nguyệt Minh	Trịnh Quốc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B03-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				-
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		380.798.805	492.100.608
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(161.102.376)	(329.457.647)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.278.444.039)	(1.660.773.520)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		46.923.166	271.845.206
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(222.002.050)	(87.968.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(1.233.826.494)***	***(1.314.254.153)***
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.700.000.000)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.100.000.000	21.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.066.773.698)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135.007.672	170.412.718
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***1.535.007.672***	***(1.396.360.980)***
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**301.181.178**	**(2.710.615.133)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**543.440.191**	**8.240.211.901**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**844.621.369**	**5.529.596.768**
			-	-

Hà nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Nguyệt Minh	Nguyễn Nguyệt Minh	Trịnh Quốc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số: B09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2024

I - Đặc điểm hoạt động của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors ("Công ty" hoặc "LeadCap") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 86/GPĐC-UBCK ngày 06/09/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Tiền thân của Công ty là Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương, trước đó là Công ty cổ phần Quản lý quỹ Hapaco và Công ty cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Hải Phòng.

Vốn Điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực hoạt động

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên: 12

5. Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Do thị trường chứng khoán tăng thời điểm 31/03/2024 so với đầu năm, Công ty được hoàn nhập chi phí dự phòng cho các khoản đầu tư tự doanh của Công ty.

II - Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc TGBQLNH) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

III - Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, Số 643 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số: B09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2024

IV - Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

- Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

+ Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

+ Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

+ Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư được tính theo giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư bao gồm giá mua cộng (+) chi phí môi giới, giao dịch …

- Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của các khoản đầu tư tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập.
- Chi phí trước hoạt động (bao gồm các chi phí đào tạo)
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp.
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh nếu có chênh lệch so với số đã trích kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: Không phát sinh

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2024

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ phát sinh từ hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán; hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thu phí tư vấn đầu tư chứng khoán, thu phí thưởng được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, có khả năng thu được lợi ích kinh tế.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01- Tiền và các khoản tương đương tiền	**31/03/2024**	**01/01/2024**
- Tiền gửi ngân hàng	844.621.369	543.440.191
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	**844.621.369**	**543.440.191**

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	**31/03/2024**		**01/01/2024**	
	Số lượng	**Giá trị**	**Số lượng**	**Giá trị**
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	3.378.336	21.263.146.039	3.378.336	21.263.146.039
OCH	*680.300*	*8.895.784.900*	*680.300*	*8.895.784.900*
PVR	*2.318.000*	*8.125.169.500*	*2.318.000*	*8.125.169.500*
ANT	*296.648*	*2.645.122.697*	*296.648*	*2.645.122.697*
EVE	*76.408*	*1.295.620.312*	*76.408*	*1.295.620.312*
FBT	*6.980*	*301.448.630*	*6.980*	*301.448.630*
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.650.000.000		25.050.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(9.915.774.942)		(10.796.072.142)
Cộng		**34.997.371.097**		**35.517.073.897**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2024

03- Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	**31/03/2024**	**01/01/2024**
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	129.227.986	130.137.171
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	372.287.764	300.553.926
- Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	115.545.857	115.545.857
Cộng	**617.061.607**	**546.236.954**

04- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	**31/03/2024**	**01/01/2024**
- Dự thu lãi tiền gửi	584.583.974	361.769.453
- Bảo hiểm xã hội	23.680.000	-
- Phải thu người lao động	-	58.720.380
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
- Phải thu khác	617.640.475	617.640.475
Cộng	**1.230.904.449**	**1.043.130.308**

05- Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
A	1	2	3	4
I - Nguyên giá TSCĐ				
1. Số dư đầu kỳ			100.989.998	100.989.998
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Trong đó				-
- Mua sắm mới			-	-
3. Số giảm trong kỳ	-			-
4. Số cuối kỳ	-	-	100.989.998	100.989.998
Trong đó				-
- Chưa sử dụng				-
- Khấu hao hết	-		67.600.000	67.600.000
- Chờ thanh lý				-
II - Giá trị hao mòn				-
1. Đầu kỳ			83.367.500	83.367.500
2. Tăng trong kỳ			2.782.500	2.782.500
3. Giảm trong kỳ			-	-
4. Số cuối kỳ			86.150.000	86.150.000
III - Giá trị còn lại				-
1. Đầu kỳ			17.622.498	17.622.498
2. Cuối kỳ		-	14.839.998	14.839.998

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (ĐVT: Đồng): 67.600.000
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2024

06- Đầu tư dài hạn khác:	31/03/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư dài hạn khác	224.254	2.511.644.800	224.254	2.511.644.800
Cổ phiếu Công ty CP kính mắt Hà Nội	*224.254*	*2.511.644.800*	*224.254*	*2.511.644.800*
b- Dự phòng giảm giá đầu tư		(2.053.828.663)		(2.053.828.663)
Cổ phiếu Công ty CP kính mắt Hà Nội		*(2.053.828.663)*		*(2.053.828.663)*
Cộng		**457.816.137**		**457.816.137**

07- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/03/2024	01/01/2024
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	98.569.064	20.092.050
- Các loại thuế khác	371.607	371.607
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	317.351	317.351
Cộng	**99.258.022**	**20.781.008**

08- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/03/2024	01/01/2024
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.144.509	26.144.509
Cộng	**26.144.509**	**26.144.509**

09- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Số dư đầu kỳ/năm	1.409.976.372.698	48.930.542.561
Tăng trong kỳ/năm	24.059.493.028	19.628.984.292
Giảm trong kỳ/năm	-	(19.735.354.278)
Số dư cuối kỳ/năm	**1.434.035.865.726**	**48.824.172.575**

10- Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	31/03/2024	01/01/2024
10.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	***431.332.028.716***	***431.332.028.716***
- Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	191.304.178.716	191.304.178.716
- Cổ phiếu không niêm yết	240.027.850.000	240.027.850.000
10.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Cộng	**431.332.028.716**	**431.332.028.716**

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11- Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	379.889.620	376.939.917
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	71.733.838	68.400.643
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	**451.623.458**	**445.340.560**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2024

12- Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	**Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024**	**Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023**
+ Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	355.220.000	479.677.100
+ Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	120.114.968	433.172.690
+ Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	59.660.000	-
+ Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	833.072	57.225.000
Cộng	**535.828.040**	**970.074.790**

13- Doanh thu hoạt động tài chính	**Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024**	**Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023**
- Lãi tiền gửi	357.822.193	390.630.525
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	105.780.822
Cộng	**357.822.193**	**496.411.347**

14- Chi phí tài chính	**Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024**	**Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023**
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(880.297.200)	(1.765.463.503)
Cộng	**(880.297.200)**	**(1.765.463.503)**

15 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	**Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024**	**Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023**
- Chi phí nhân viên quản lý	182.460.000	368.146.000
- Chi phí vật liệu quản lý	23.917.941	22.539.999
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.782.500	2.782.500
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	249.516.197
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.591.784	3.000.000
Cộng	**435.752.225**	**645.984.696**

Hà nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Nguyễn Nguyệt Minh	**Nguyễn Nguyệt Minh**	**Trịnh Quốc Bình**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------	---------o0o---------
Số: 32 /2024/LCM-KTTH	
V/v: Giải trình biến động LNST QI/2024	*Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- *Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors giải trình số liệu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Quý I/2024 có biến động lớn so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/(Giảm)	% Thay đổi
	Quý I	Quý I	Quý I	Quý I
Tổng doanh thu, thu nhập	809.445.651	941.751.907	(132.306.256)	14%
Tổng chi phí	91.299.265	(149.404.017)	240.703.282	161%
Trong đó: Chi phí tài chính	*(880.297.200)*	*(1.765.463.503)*	*885.166.303*	50%
Lợi nhuận trước thuế	718.146.386	1.091.155.924	(373.009.538)	34%
Lợi nhuận sau thuế	718.146.386	1.091.155.924	(373.009.538)	34%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I/2024 là 718 triệu đồng, giảm 34% so với Quý I/2023 do giảm doanh thu tài chính gần 140 triệu đồng (lãi suất tiền gửi giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái) và tăng chi phí tài chính (giảm hoàn nhập dự phòng) 241 triệu đồng.

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Trịnh Quốc Bình

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu KTTH.